

Vũng Liêm, ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1956.

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ cư trú: số 275, Khóm 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1942.

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1949.

Địa chỉ cư trú: số 36/38, Phường 7, Quận 11 Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1952.

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1969

Địa chỉ cư trú: ấp Chợ Mới, xã Trung Chánh, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông **Đào C**, sinh năm: 1940 (chết ngày 03/8/2020).

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đào Cầu là:*

4.1 Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1942.

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4.2 Chị **Đào Thu N**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ cư trú: Số 18, đường 8/3, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4.3 Chị **Đào Thu H**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Lương, xã Quới T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4.4 Anh **Đào Trọng Hiếu**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, Thôn 7, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hiếu là chị **Đào Thu Hạnh**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4.5 Anh **Đào Trọng C**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ cư trú: Số 144/143B, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4.6 Chị **Đào Thu Nga**, sinh năm: 1967.

4.7 Anh **Đào Trọng Đức**, sinh năm: 1969.

4.8 Chị **Đào Thu Hạnh**, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4.9 Chị **Đào Thu Oanh**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ cư trú: Số 170, đường Ba Cu, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Bà **Ngô Thị Chi** – sinh năm: 1947.

Địa chỉ cư trú: ấp Trung Hưng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà **Nguyễn Thị Hà** – sinh năm: 1969.

Địa chỉ cư trú: ấp Chợ Mới, xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà **Huỳnh Thị Cẩm Như** – sinh năm: 1976.

8. Ông **Lê Quốc Hưng** – sinh năm: 1974.

9. Chị **Lê Trúc Quỳnh** – sinh năm: 1999.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: bà Trần Thị N, ông Trần Văn T, bà Trần Thị N, bà Trần Thị C, bà Trần Thị Lệ thống nhất thỏa thuận là bà Trần Thị N và bà Trần Thị Lệ thống nhất chia giao kỹ phần thừa kế hiện trạng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị N, bà Trần Thị C quản lý, sử dụng. Bà Trần Thị N và bà Trần Thị Lệ thống nhất nhận kỹ phần thừa kế là giá trị đất.

- Công nhận cho ông Trần Văn T được quản lý sử dụng có diện tích 210,4m², thuộc tách 663 – 3 NTD, tờ bản đồ số 2, hiện trạng trên đất có căn nhà tường diện tích 67,3m² của ông Trần Văn T (gồm các mốc 7, 8, 9, 10, 15, 14, 13, 16, 7).

- Công nhận cho bà Trần Thị C được quản lý sử dụng diện tích 284,7m² thuộc thửa 663 – 1 NTD, tờ bản đồ số 2, hiện trạng trên đất có căn nhà tường diện tích 93,6m² của bà Trần Thị C (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 1).

- Công nhận bà Trần Thị N được quản lý sử dụng diện tích 132,6m² tách thửa 663 – 4 NTD, tờ bản đồ số 2, hiện trạng trên đất có căn nhà tường diện tích 72,1m² của bà Trần Thị N (gồm các mốc 10, 11, 12, 13, 14, 15, 10).

- Công nhận cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị C quản lý sử dụng chung diện tích 31,3m² thuộc tách 663 – 3, tờ bản đồ số 2 (gồm các mốc 4, 5, 6, 16).

- Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị N giá trị số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà Trần Thị C có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho bà Trần Thị N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và có trách nhiệm hoàn lại cho bà Trần Thị L số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến gì hay yêu cầu gì.

- Vị trí, kích thước, giáp cận của các phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long kèm theo quyết định. Đất tọa lạc tại ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Các đương sự được quyền đi đăng ký kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 6.048.500đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng). Ông Trần Văn T, bà Trần Thị C, bà Trần Thị N, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L mỗi người phải chịu số tiền 1.209.500đ (Một triệu hai trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng). Bà Trần Thị N, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L có trách nhiệm nộp số tiền 1.209.500đ (Một triệu hai trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng) cho ông Trần Văn T do ông Trần Văn T đã nộp tạm ứng trước. Bà Trần Thị C đã nộp đủ không phải nộp thêm.

****Án phí sơ thẩm:***

- Ông Trần Văn T, bà Trần Thị C, bà Trần Thị N, bà Trần Thị N không phải nộp án phí do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

- Chị Đào Thu N, chị Đào Thu H, anh Đào Trọng H, anh Đào Trọng C, chị Đào Thu Nga, anh Đào Trọng Đức, chị Đào Thu Hạnh, chị Đào Thu Oanh, bà Ngô Thị Chi, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Cẩm Như, anh Lê Quốc Hưng, chị Lê Trúc Quỳnh không phải nộp án phí.

- Bà Trần Thị L không phải nộp án phí nên hoàn trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.133.000đ (Bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009629 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Mẫn